



THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102306413 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/06/2007, thay đổi lần thứ 06 ngày 23/05/2017)

- Địa chỉ trụ sở chính : Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội.
- Địa chỉ VPGD : Tầng 3 Tòa nhà N03-T5 Khu Ngoại Giao Đoàn, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội
- Điện thoại : (84.24) 3827312 - Fax: (84.24) 382722292
- Website : www.vinacap.vn Email: vinacap@vinacap.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Lê Anh Xuân - Chức vụ: Thư ký HĐQT

Số điện thoại: 0919.26.85.85 - Email: xuanla@vinacap.vn

MỤC LỤC

I	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	1
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	1
1.1	Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch	1
1.2	Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch	1
1.3	Quá trình hình thành và phát triển:	2
1.4	Quá trình tăng vốn của Công ty	4
2.	Cơ cấu tổ chức Công ty	6
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	7
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại ngày 11/04/2018	9
4.1	Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 11/04/2018:.....	9
4.2	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trở lên tại thời điểm 11/04/2018..	10
4.3	Danh sách cổ đông sáng lập.....	10
5.	Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những Công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch:	10
5.1	Công ty mẹ	10
5.2	Công ty con	10
5.3	Công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối	10
5.4	Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch	10
6.	Hoạt động kinh doanh.....	11
6.1	Sản phẩm, dịch vụ:.....	11
6.2	Hình ảnh sản phẩm chính của Công ty:	13
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	20
8.1	Vị thế của Công ty	20
8.2	Triển vọng phát triển của ngành	20
9.	Chính sách đối với người lao động.....	22
10.	Chính sách cổ tức.....	24

11.	Tình hình tài chính	24
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	24
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	27
12.	Tài sản.....	28
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	29
14.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của công ty đăng ký giao dịch	32
15.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	32
16.	Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan đến công ty.....	33
II	QUẢN TRỊ CÔNG TY	33
1.	Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị.....	33
2.	Ban kiểm soát.....	40
3.	Ban Tổng Giám đốc.....	44
4.	Kế toán trưởng.....	47
5.	Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	49
III	PHỤ LỤC.....	49

I TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP
- Tên Công ty bằng Tiếng Anh: VINACAP TELECOM ELECTRONICS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: VINACAP.JSC



- Logo:
- Địa chỉ trụ sở chính: Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội.
- Địa chỉ VPGD : Tầng 3 Tòa nhà N03-T5 Khu Ngoại Giao Đoàn, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội
- Điện thoại : (84.4) 35377989 - Fax: (84.4) 35377988
- Website : www.vinacap.vn - Email: vinacap@vinacap.vn
- Ngày trở thành Công ty đại chúng: 05/09/2008
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Hồng Hạnh – Ủy viên HĐQT/Tổng Giám đốc
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102306413 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/06/2007, thay đổi lần thứ 06 ngày 23/05/2017.
- Vốn điều lệ đăng ký: 156.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 156.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Sản xuất dây cáp đồng;
 - + Sản xuất dây cáp quang;
 - + Kinh doanh vật tư, phụ kiện cho mạng lưới hạ tầng viễn thông.

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Chứng khoán phổ thông

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: VTE
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 15.600.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phiếu
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hiện tại Công ty đang kinh doanh một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như: In ấn, kinh doanh bất động sản. Tuy nhiên, do hiện nay chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Vì vậy, giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa theo quy định pháp luật là 49%.

Tính đến thời điểm ngày 11/04/2018 thì tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần tương ứng 0% tổng số cổ phần của Công ty.

1.3 Quá trình hình thành và phát triển:

- 1992** • Tháng 11/1992: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam liên doanh với hãng Daesung của Hàn Quốc để thành lập Công ty liên doanh cấp Vinadaesung. Công ty liên doanh đầu tiên của ngành BCVT Việt Nam, với vai trò sản xuất cáp thông tin sợi đồng phục vụ quá trình số hóa mạng lưới.
- 2001** • Tháng 03/2001: Tập đoàn NEXANS – Pháp mua và đổi tên hãng Daesung thành NEXANS Korea. Cùng với NEXANS Korea, Công ty liên doanh cấp Daesung trở thành thành viên của tập đoàn NEXANS – nhà sản xuất cáp và hệ thống mạng hàng đầu thế giới. Nhân chứng chỉ chất lượng ISO 9001:2000 do Tổ chức Quốc tế TUV CERT – TUV Nord (CH Liên bang Đức cấp)

- 2007**
- Tháng 06/2007: Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu mạng (VINACAP) được thành lập để chuẩn bị tiếp quản hoạt động của Công ty Liên doanh cáp Vinadaesung giải thể do hết thời hạn 15 năm liên doanh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28/06/2007 với số vốn điều lệ đăng ký là 100 tỷ đồng (số vốn thực góp là 78.089.615.448 đồng), với các cổ đông sáng lập bao gồm: Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Công ty Điện lực miền Bắc (EVN-NPC) (nay là Tổng Công ty Điện lực miền Bắc) và Công ty cổ phần Thương mại Bru chính Viễn thông (COKYVINA)
 - Ngày 09/11/2007, Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu mạng (VINACAP) chính thức tiếp quản tài sản và mọi hoạt động của Công ty Liên doanh Cáp Vinadaesung để đi vào hoạt động.
- 2008**
- Dây chuyền sản xuất cáp quang được đưa vào hoạt động, Công ty lần đầu tiên có sản phẩm mới hoàn toàn: Cáp quang.
- 2009**
- Dây chuyền sản xuất cáp điện dân dụng hiện đại được đưa vào hoạt động, Công ty có sản phẩm Dây cáp điện. Trong năm, Vinacap được chọn làm nhà phân phối sản phẩm Simcard cho hãng Gemato - Pháp. VINACAP – VINAPHONE – HP ký thỏa thuận để phân phối sản phẩm máy tính Laptop 3G có tích hợp dịch vụ viễn thông, VINACAP chính thức tham gia phân phối thiết bị công nghệ thông tin.
- 2010**
- VINACAP tổ chức nghiên cứu và phát triển điện thoại di động 2 sim mang nhãn hiệu AVIO. VINACAP – VINAPHONE ký thỏa thuận để sản xuất và cung cấp máy điện thoại di động có tích hợp dịch vụ Vinaphone tạo thành bộ hòa mạng Alo_Avio độc đáo. Điện thoại AVIO tạo thành một hiện tượng đặc biệt về nhu cầu trên thị trường nhờ Rẻ - Đẹp – Tiện ích.
 - Tháng 11/2010: Công ty đổi tên từ Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu mạng thành Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP. VINACAP định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trên 3 hướng: Sản xuất dây cáp viễn thông (cáp viễn thông sợi quang và sợi đồng); Dây cáp điện dân dụng và

thiết bị điện; Phát triển các thiết bị đầu cuối cho mạng viễn thông.

2012 • Công ty đã thực hiện đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp quyết định niêm yết. Tuy nhiên, năm 2012 là năm khủng hoảng kinh tế thế giới, dẫn đến thanh khoản thị trường chứng khoán Việt Nam thấp, giá trị cổ phiếu giảm mạnh, đồng thời Công ty gặp khủng hoảng trong giai đoạn cuối năm 2012. Do đó, Công ty đã chủ động xin rút niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để giải quyết vấn đề tài chính của Công ty và chờ thời điểm thích hợp để tiến hành niêm yết.

2015 • Công ty được định hướng phát triển theo các mảng hoạt động sau:

đến nay

- Thiết bị, vật tư viễn thông, CNTT: Simcard, thiết bị nguồn, Acqui, USB 3G phụ kiện, Modem, truyền dẫn quang SDH, ...
- Sản xuất các loại cáp viễn thông, Dây và cáp điện: Cáp thông tin sợi đồng, sợi quang, FTTH, Cáp mạng LAN...dây dân dụng, cáp điện hạ thế và thiết bị điện...
- Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102306413 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/06/2007, thay đổi lần thứ 06 ngày 23/05/2017 với số vốn điều lệ là 156.000.000.000 đồng.

1.4 Quá trình tăng vốn của Công ty

Trong quá trình hoạt động, Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap đã tiến hành 04 lần tăng vốn, cụ thể như sau:

Lần	Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	2009	10.806.000.000	100.000.000.000	Phát hành riêng lẻ	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 số 002/09/NQ-ĐHĐCD ngày 29/05/2009; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 019/09/NQ-HĐQT

Lần	Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
					<p>ngày 12/10/2009;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo thông báo ngày 01/12/2009 của UBCKNN nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu Mạng; - Công văn Báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN ngày 30/12/2009; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018208 đăng ký lần đầu ngày 28/06/2007, thay đổi lần thứ 3 ngày 17/06/2009.
2	2010	34.966.000.000	134.966.000.000	Phát hành ra công chúng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 031/10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/05/2010; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 033/10/NQ-HĐQT ngày 15/06/2010; - Giấy chứng nhận chào bán số 645/UBCKNN-GCN ngày 18/08/2010 của UBCKNN; - Công văn Báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN ngày 11/10/2010; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102306413 cấp lần đầu ngày 28/06/2007, thay đổi lần thứ 4 ngày 02/11/2010.
3	2010	15.034.000.000	150.000.000.000	Phát hành ra công	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 031/10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/05/2010;

Lần	Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
				chúng	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 064/10/NQ-HĐQT ngày 25/11/2010; - Giấy chứng nhận chào bán số 769/UBCKNN-GCN ngày 29/12/2010 của UBCKNN; - Công văn số Báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN ngày 28/02/2011; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102306413 cấp lần đầu ngày 28/06/2007, thay đổi lần thứ 4 ngày 02/11/2010.
4	2012	6.000.000.000	156.000.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 90/12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2012; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 005/12/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 10 năm 2012; - Công văn Thông báo thực hiện của UBCKNN ngày 14/11/2012; - Công văn Báo cáo kết quả với UBCKNN ngày 03 tháng 12 năm 2012; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102306413 cấp lần đầu ngày 28/06/2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 19/07/2013.

(Nguồn: CTCP Viễn thông Điện tử Vinacap)

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại bao gồm 01 trụ sở chính – Nhà máy sản xuất và 01 văn phòng giao dịch:

❖ Trụ sở chính Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP – Nhà máy sản xuất

- Địa chỉ : Đốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
- Điện thoại : 024.3827312 - Fax: 024.382722292

❖ Văn phòng giao dịch:

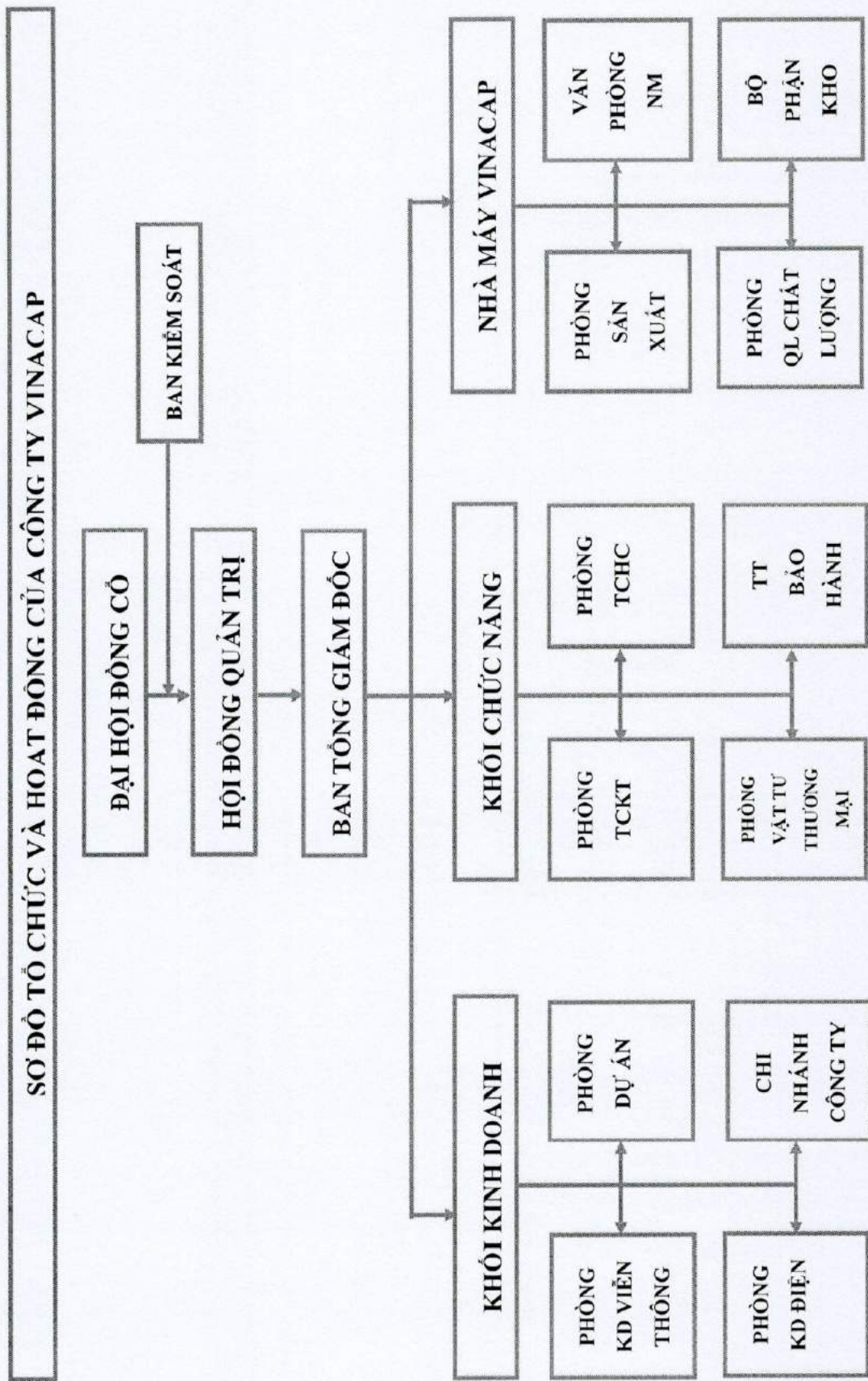
- Địa chỉ : Tầng 3 Tòa nhà N03-T5 Khu Ngoại Giao Đoàn, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại : 024.35377989 - Fax: 024.35377988

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn;
- Điều lệ Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty VINACAP chi tiết được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



(Nguồn: Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap)

❖ Diễn giải sơ đồ:**Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Có ý kiến về việc Tổng giám đốc bổ nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.

- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 (ba) thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như sau:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Tổng giám đốc:

Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh. Theo dõi và quản lý khối sản xuất trực tiếp. Thay mặt Tổng Giám đốc giải quyết các công việc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh theo sự phân công và trong phạm vi uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, khẩn cấp, vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

Dưới quyền Ban Tổng Giám đốc có các Phòng ban chức năng giúp Ban Tổng Giám đốc quản lý, giám sát và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng của Công ty, cụ thể:

Khôi Kinh doanh

✓ ***Phòng Kinh doanh Viễn thông:***

Phòng Kinh doanh có chức năng thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng Giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin của Công ty.

- Thực hiện chiến lược, chính sách bán hàng, phương án tác nghiệp thị trường sản phẩm viễn thông và công nghệ thông tin;
- Nghiên cứu, phân tích, phân đoạn thị trường. Dự báo nhu cầu các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Đề xuất và thực hiện các biện pháp kinh doanh, bán hàng, marketing trong từng giai đoạn, từng vùng thị trường. Đề xuất và thực hiện phương án phát triển, mở rộng hoặc hạn chế các sản phẩm, dịch vụ. Tìm kiếm và mở rộng thị trường trong và ngoài nước;
- Phối hợp với các bộ phận sản xuất, quản lý chất lượng đảm bảo cung ứng kịp thời sản phẩm viễn thông và công nghệ thông tin cho khách hàng. Phối hợp với phòng Tài chính kế toán trong việc lập và phân tích giá bán các sản phẩm, xây dựng quy trình thu tiền bán các sản phẩm viễn thông;
- Tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến bán hàng như quảng cáo, khuyến mại, quan hệ công chúng, tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm, hội thảo nhằm nâng cao hình ảnh của Công ty trên thị trường;
- Giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến sản phẩm và dịch vụ;
- Đề xuất, thực hiện các chiến lược, chính sách bán hàng, phương án tác nghiệp thị trường sản phẩm Công nghệ thông tin viễn thông tin học;
- Nghiên cứu, phân tích, phân đoạn thị trường. Dự báo nhu cầu các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Đề xuất các biện pháp kinh doanh, bán hàng, marketing trong từng giai đoạn, từng vùng thị trường. Đề xuất phương án phát triển, mở

rộng hoặc hạn chế các sản phẩm, dịch vụ. Tìm kiếm và mở rộng thị trường trong và ngoài nước;

- Thực hiện các công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm: tìm hiểu khách hàng, tích hợp hệ thống, tạo các kiểu dáng tiện ích theo nhu cầu của khách hàng. Xây dựng giải pháp cho các hệ thống mạng LAN, WAN, INTERNET... cùng với thiết bị công nghệ viễn thông tiên tiến nhất và công nghệ mạng khác để đưa ra giải pháp thích hợp cho nhà sản xuất.

✓ **Phòng Dự án:**

Phòng Dự án có chức năng thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng Giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin của Công ty với các thị trường khách hàng lớn là các nhà mạng viễn thông VNPT, MobiFone, Viettel, EVN, FPT, CMC....

✓ **Phòng Kinh doanh Điện:**

Phòng kinh doanh Điện có chức năng thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng Giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến sản phẩm điện dân dụng:

- Thực hiện chiến lược, chính sách bán hàng, phương án tác nghiệp thị trường sản phẩm điện dân dụng;
- Nghiên cứu, phân tích, phân đoạn thị trường. Dự báo nhu cầu các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Đề xuất các biện pháp kinh doanh, bán hàng, marketing trong từng giai đoạn, từng vùng thị trường. Đề xuất phương án phát triển, mở rộng hoặc hạn chế các sản phẩm, dịch vụ. Tìm kiếm và mở rộng thị trường trong và ngoài nước;
- Phối hợp với các bộ phận sản xuất, quản lý chất lượng đảm bảo cung ứng kịp thời sản phẩm Điện dân dụng cho khách hàng. Phối hợp với phòng Tài chính kế toán trong việc lập và phân tích giá bán các sản phẩm, xây dựng quy trình thu tiền bán các sản phẩm;

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến bán hàng như quảng cáo, khuyến mại, quan hệ công chúng, tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm, hội thảo nhằm nâng cao hình ảnh của Công ty trên thị trường;
- Giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến sản phẩm và dịch vụ.
 - ✓ **Chi nhánh Công ty:** Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP tại Hà Nội:
 - Là đơn vị trực thuộc Công ty, có con dấu và tài khoản riêng.
 - Thực hiện chức năng các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
 - Thực hiện các hoạt động kinh doanh chính trên các thị trường dự án xây dựng – Điện lực – Truyền hình.....

Khối chức năng

✓ **Phòng Tổ chức hành chính:**

Phòng tổ chức hành chính thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành các lĩnh vực: tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương, chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe và hành chính quản trị, văn thư, lưu trữ.

- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công tác tổ chức, công tác cán bộ xây dựng kế hoạch, biện pháp thực hiện các chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật lao động;
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Lập kế hoạch trang cấp bảo hộ lao động hàng năm, theo dõi cấp phát và sử dụng, giám sát, đôn đốc các tập thể, cá nhân thực hiện đúng các qui phạm kỹ thuật an toàn, các nội qui vận hành sử dụng máy, thiết bị, phối kết hợp với các phòng ban ở nhà máy tổ chức huấn luyện an toàn theo định kỳ;
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật vào hoạt động của công ty. Thường xuyên, liên tục cập nhật các thông tin pháp luật, văn bản pháp luật phục vụ cho hoạt động của công ty. Kết hợp với các phòng ban khác trong việc đánh giá nhắc nhở thực hiện an toàn lao động;

- Tiến hành công tác thi đua khen thưởng và các thủ tục xử lý kỷ luật người lao động vi phạm nội quy lao động;
- Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nội quy lao động, quy chế công ty của các bộ phận, phòng ban và nhân viên công ty;
- Quản lý đất đai, nhà cửa, kho xưởng, thiết bị văn phòng, dụng cụ hành chính của Công ty. Quản lý con dấu của Công ty, công văn tài liệu, giao nhận công văn đi và công văn đến;
- Thường trực văn phòng, hướng dẫn khách đến giao dịch, làm việc;
- Giải quyết các công việc hành chính hàng ngày khác của công ty.

✓ ***Phòng Tài chính kế toán:***

Phòng tài chính kế toán có chức năng thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng Giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành toàn bộ công tác tài chính, kế toán, hạch toán kinh doanh trong Công ty.

- Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của Công ty;
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các chính sách tài chính, đầu tư tài chính của Công ty;
- Xây dựng Quy trình thu tiền bán hàng và quản lý hệ thống tài chính của Công ty;
- Phân tích, lập các báo cáo Ban Tổng giám đốc và các cơ quan quản lý cấp trên định kỳ tháng/ quý/ năm và theo yêu cầu để phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc;
- Tính toán giá thành sản phẩm nhập kho hàng tháng, xác định doanh thu và giá vốn hàng bán. Quản lý các kho, quản lý và tính toán khấu hao tài sản cho Công ty;
- Thực hiện các hoạt động thanh toán, thu hồi công nợ, quản lý các quỹ của Công ty, quản lý phần vốn góp hoạt động đầu tư tài chính của Công ty tại các doanh nghiệp khác;

- Thực hiện hạch toán ban đầu, hạch toán giá thành sản phẩm;
- Xây dựng dự toán, ký hợp đồng kinh tế, quản lý thu, chi; kiểm tra giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng vốn cố định, vốn lưu động, thực hiện các công tác nghiệp vụ kế toán; thường xuyên đối chiếu, theo dõi tình hình công nợ và đề xuất với lãnh đạo Công ty hướng giải quyết;
- Tính lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thanh toán lương cho các thành viên trong Công ty;
- Giải quyết mọi vấn đề liên quan đến công việc kế toán trong Công ty;
- Thực hiện các Công tác liên quan đến thuế.

✓ **Phòng Vật tư Thương mại:**

Phòng Vật tư thương mại có chức năng thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng Giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành, kinh doanh trong lĩnh vực mua, nhập khẩu vật tư, nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc, phụ tùng, công cụ, dụng cụ... phục vụ sản xuất của Công ty và kinh doanh các mảng hoạt động theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc. Phụ trách các vấn đề liên quan đến việc xây dựng, duy trì và phát triển thương hiệu của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện mua, cung cấp kịp thời phục vụ sản xuất. Tham mưu, đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc trong việc mua vật tư, nguyên vật liệu dự trữ cho sản xuất và triển khai sau khi được phê duyệt;
- Bám sát thị trường cung cấp, tìm kiếm các nhà cung cấp, giải quyết các công việc liên quan để mua vật tư với giá hợp lý nhất, chất lượng đảm bảo, thời gian cung ứng kịp thời;
- Chịu trách nhiệm giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động nhập khẩu vật tư, nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc... như thủ tục hải quan, vận chuyển hàng về nhà máy;
- Phối hợp, hỗ trợ các phòng kinh doanh trong công tác xuất nhập khẩu sản phẩm;
- Phối hợp với các Phòng ban khác xây dựng, phát triển và quảng cáo thương hiệu Công ty.

- Tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng giám đốc giao trong công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch và thực hiện bán hàng.
 - o Chịu trách nhiệm lãnh đạo, quản lý đội ngũ nhân viên bán hàng và đội ngũ hỗ trợ bán hàng thực hiện đúng các mục tiêu kinh doanh;
 - o Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển bán hàng, hệ thống phân phối trong địa bàn đảm bảo sự hiện diện và hình ảnh sản phẩm tại điểm bán trong vùng;
 - o Tổ chức đội ngũ nhân sự kinh doanh có năng lực và nhiệt huyết nhằm thực hiện các chiến lược và kế hoạch kinh doanh được giao;
 - o Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bao gồm: hệ thống phân phối, đại lý, khách hàng, nguồn nhân lực, vật lực và ngân sách hoạt động tiếp thị được phân bổ;
 - o Khảo sát, nghiên cứu và đánh giá thị trường để khai thác và phát triển khách hàng, kênh phân phối trong khu vực quản lý nhằm đa dạng hóa và đẩy mạnh sự tăng trưởng về thị phần, doanh số;
 - o Chuẩn bị và phát triển đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp cho nhu cầu hiện tại, tương lai cũng như định hướng phát triển của Công ty.

✓ ***TT Bảo hành:***

- Thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ chăm sóc khách hàng của Công ty.
- Bảo trì, bảo dưỡng các sản phẩm dịch vụ của Công ty.

Khởi nhà máy

✓ ***Phòng sản xuất:***

Phòng có chức năng quản lý, tổ chức sản xuất; quản lý, bảo dưỡng sửa chữa máy móc thiết bị của xưởng sản xuất điện dân dụng, xưởng sản xuất viễn thông.

- Lập kế hoạch sản xuất trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của Công ty;
- Lập kế hoạch nhu cầu vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ phục vụ cho nhu cầu sản xuất;

- Tổ chức sản xuất theo yêu cầu của các Bộ phận/ Phòng Kinh doanh đảm bảo hiệu quả thiết bị máy móc, con người;
- Quản lý và bố trí lao động, máy móc thiết bị. Kiểm soát quá trình sản xuất, kiểm tra đôn đốc việc chấp hành nội quy lao động, nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động, qui trình công nghệ;
- Nghiên cứu, cải tiến công đoạn trong quy trình sản xuất. Tham gia nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, các dự án đầu tư theo yêu cầu của công ty;
- Phối hợp với Phòng quản lý chất lượng trong việc xây dựng tiêu chuẩn tác nghiệp, tài liệu ISO liên quan đến quản lý sản xuất và cơ điện.
- Xây dựng kế hoạch tiến độ, kế hoạch năng lực sản xuất;
- Thiết lập các cải tiến trong quá trình sản xuất;
- Kiểm soát chi phí sản xuất với ngân sách cho phép của công ty, kiểm soát định mức tiêu hao nguyên vật liệu, định mức lao động, báo cáo lượng tồn kho kịp thời phục vụ sản xuất;
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm (QA) và kiểm soát chất lượng sản phẩm (QC);
- Kiểm soát các quy trình thực hiện công việc.

✓ ***Phòng quản lý chất lượng:***

Phòng quản lý chất lượng có chức năng thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành lĩnh vực chất lượng, kỹ thuật trong toàn Công ty:

- Chịu trách nhiệm về mọi công việc liên quan đến việc thiết lập, thực hiện và duy trì có hiệu quả hệ thống QLCL ISO 9001: 2000 trong toàn Công ty;
- Chịu trách nhiệm về việc duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn, yêu cầu của khách hàng;
- Kiểm tra, kiểm soát chất lượng bán sản phẩm và sản phẩm cuối cùng. Tiến hành phân tích, đề xuất, thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm;

- Chuẩn bị kế hoạch, kiểm soát việc hiệu chuẩn, kiểm chuẩn các thiết bị đo lường và thử nghiệm bên ngoài và bên trong công ty;
- Phối hợp với các phòng ban liên quan nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới.

✓ **Văn phòng nhà máy:**

Thực hiện các công tác nghiệp vụ hành chính, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy tại Nhà máy VINACAP.

✓ **Bộ phận Kho:**

Thực hiện các công tác nghiệp vụ xuất nhập, bảo quản tiếp nhận hàng hóa của Công ty tại Nhà máy VINACAP.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại ngày 11/04/2018

4.1 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 11/04/2018:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I.	Cổ đông trong nước	457	15.600.000	100
	Tổ chức	3	9.221.328	59,11
	Cá nhân	454	6.378.672	40,89
II.	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
III.	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	457	15.600.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 11/04/2018)

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trở lên tại thời điểm 11/04/2018

STT	Họ và tên	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam	0100684378	Số 57 - Huỳnh Thúc Kháng Đống Đa - Hà Nội	4.992.000	32,00
2	Công ty CP Thương mại Phương Trung	800501679	Cụm CN Hoàng Diệu, Xã Hoàng Diệu, Gia lộc, Hải dương	4.225.584	27,08
3	Phạm Văn Trung Kiên	011870883	Số 30 Ngõ 121 Sài Đồng - Long Biên - Hà Nội	1.602.536	10,27
Tổng cộng				10.820.120	69,35

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 11/04/2018)

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102306413 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/06/2007, thay đổi lần thứ 06 ngày 23/05/2017. Đến nay, cổ đông sáng lập của Công ty đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những Công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch:

5.1 Công ty mẹ: Không có

5.2 Công ty con: Không có

5.3 Công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

5.4 Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng

ký giao dịch: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm, dịch vụ:

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm 2 mảng chính là sản xuất và hoạt động thương mại.

6.1.1 Sản xuất

❖ Cáp đồng

Thừa hưởng các cơ sở vật chất, quy trình sản xuất **Cáp thông tin lõi đồng** cũng như mô hình quản lý hiệu quả của Công ty Liên doanh Vinadaesung, Công ty tiếp tục vận hành dây chuyền sản xuất cáp thông tin lõi đồng.

Hình ảnh một số sản phẩm cáp thông tin lõi đồng tiêu biểu

Cáp tự treo có dấu



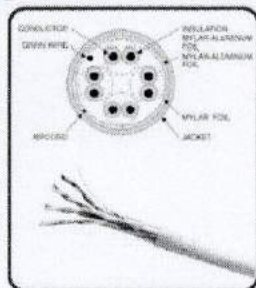
- Dung lượng từ 1 đôi đến 600 đôi.
- Đường kính dây dẫn 0,4mm; 0,5mm; 0,6mm
- Dây dẫn đồng 0,4; 0,5 mm tráng thiếc
- Vỏ bọc PVC chống cháy

Cáp Tip

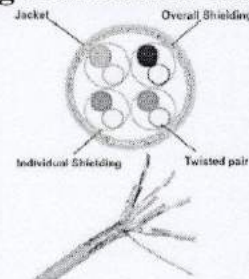


- Dung lượng đến 600 đôi
- Dây dẫn đồng 0,4; 0,5 mm tráng thiếc
- Vỏ bọc PVC chống cháy

Cáp mạng Lan Dintek CAT.5E FTP



Cáp mạng Lan Dintek CAT.6 S-STP



Tuy nhiên, trong những năm trở lại đây, tỷ trọng của nhóm sản phẩm này trong cơ cấu doanh thu của Công ty có xu hướng giảm do xu thế dịch chuyển các dịch vụ sử

dụng hạ tầng cáp đồng, băng thông hạn chế sang các dịch vụ trên hạ tầng cáp quang băng thông rộng của thế giới.

Năm 2017, doanh thu thuần của sản phẩm cáp đồng đạt 50.081.102.479 đồng, chiếm tỷ trọng 8,37% trong tổng doanh thu thuần của Công ty.

Công ty định hướng chỉ sản xuất sản phẩm dây cáp đồng ở mức hạn chế để phù hợp với nhu cầu của thị trường.

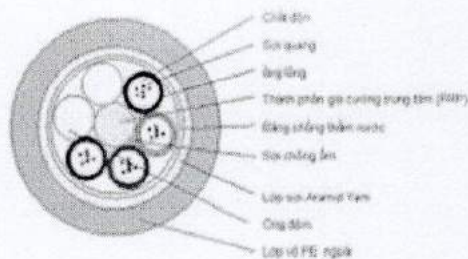
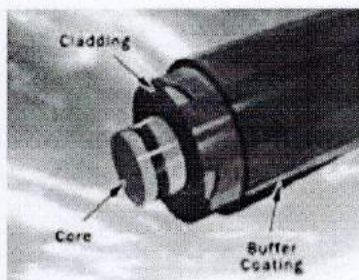
❖ **Cáp quang**

Nhận thấy nhu cầu ngày một gia tăng về sản phẩm cáp quang nên Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất cáp quang để đem lại sản phẩm chất lượng, giảm thiểu chi phí sản xuất, cung ứng sản phẩm cáp quang có chất lượng cao cho thị trường.

Trong năm 2017, doanh thu thuần của sản phẩm cáp quang đạt 253.109.803.807 đồng, chiếm tỷ trọng 42,28% trong tổng doanh thu thuần của Công ty.

Dòng sản phẩm cáp quang được sản xuất theo các đơn đặt hàng lớn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn FPT với chất lượng tốt, uy tín trên thị trường hiện nay.

Cáp quang



❖ **Dây điện dân dụng, cáp điện và thiết bị điện**

Bên cạnh việc đưa sản phẩm cáp quang mới vào thị trường, Công ty tiếp tục mạnh dạn đầu tư dây chuyền sản xuất **Dây cáp điện hiện đại**, là một mặt hàng mới, có tính cạnh tranh cao.

Doanh thu thuần của nhóm sản phẩm này đạt 64.218.698.373 đồng, chiếm tỷ trọng 10,73% trong tổng doanh thu thuần của Công ty.

Với định hướng là sản phẩm có chu kỳ sống dài sẽ thay thế dần việc sản xuất cáp viễn thông khi thị trường thay đổi. Thị trường hiện nay của Công ty trải dài trên toàn

quốc và tập trung vào các tỉnh từ Bình Định ra Bắc. Đối với sản phẩm thiết bị điện, Công ty đang tiếp tục phát triển các thiết bị điện: Bóng đèn Compact, tủ điện, linh kiện điện... nhằm trở thành một nhà sản xuất có uy tín về các sản phẩm điện dân dụng.

6.1.2 Thương mại


Ngoài hoạt động sản xuất lõi, từ năm 2009, Công ty được định hướng mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh thương mại nhằm đem lại sự phát triển cho Công ty. Cụ thể:

- Vật tư, phụ kiện cho mạng lưới hạ tầng viễn thông/các nhà mạng viễn thông: Simcard, phụ kiện, nguồn, Accqui, Anten, Modem...
- Vật tư thiết bị hàng hóa cho các chủ đầu tư xây dựng dân dụng, Truyền tải điện...

Cùng với hoạt động sản xuất cáp quang, hoạt động thương mại là hoạt động quan trọng đóng góp lớn cho doanh thu của Công ty. Trong năm 2017, doanh thu thuần của hoạt động thương mại đạt 231.269.248.836 đồng, chiếm tỷ trọng 38,63% trong tổng doanh thu thuần của Công ty.

Đây là hoạt động mua bán thường xuyên đáp ứng nhu cầu duy trì ổn định mạng lưới của Tập đoàn VNPT, MobiFone, FPT, CMC, SCTV, VTV Cable, Hà nội Cable... và các nhà khai thác viễn thông khác. Công ty đã có quan hệ với những đối tác cung cấp uy tín, chất lượng. Đây là lĩnh vực mang lại doanh thu lớn cho Công ty trong năm 2016, 2017 và tiếp tục tăng trưởng.

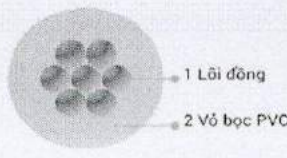
6.2 Hình ảnh sản phẩm chính của Công ty:




Dây điện dân dụng

5. DÂY ĐƠN RUỘT DẪN BÊN (R2) BỌC CÁCH ĐIỆN PVC

<ul style="list-style-type: none"> • Các đặc tính kết cấu / <i>Construction characteristics</i> - Vật liệu dây dẫn / <i>Material of conductor</i> - Loại / <i>Class</i> - Số lõi / <i>Number of core</i> - Hình dáng bên ngoài / <i>Shape</i> 	<ul style="list-style-type: none"> Đồng / <i>Copper</i> Loại 2 / <i>Class 2</i> 1 Tròn / <i>Round</i>
<ul style="list-style-type: none"> • Các đặc tính điện / <i>Electrical characteristics</i> - Điện áp làm việc / <i>Rated voltage</i> - Điện áp thử trong 5 phút / <i>Test voltage for 5 min</i> 	<ul style="list-style-type: none"> 450 / 750 V 2500 V
<ul style="list-style-type: none"> • Các đặc tính sử dụng / <i>Usage characteristics</i> - Nhiệt độ làm việc lớn nhất / <i>Max temperature</i> - Chiều dài tiêu chuẩn / <i>Standard length</i> - Tiêu chuẩn Áp dụng / <i>Applied Standard</i> 	<ul style="list-style-type: none"> 70°C 100m / coil TCVN 6610-3: 2000/ IEC 60227-3: 1993



1 Lõi đồng
2 Vỏ bọc PVC





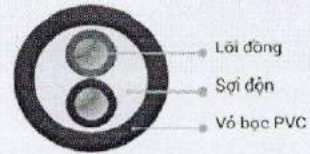
Cáp bọc cách điện PVC

1. CÁP 2 LỖI CÁCH ĐIỆN PVC KHÔNG CÓ GIÁP BẢO VỆ

• Các đặc tính kết cấu / *Construction characteristics*

- Vật liệu dây dẫn / *Material of conductor*
- Loại / *Class*
- Số lõi / *Number of core*
- Hình dáng bên ngoài / *Shape*

Đồng / *Copper*
 Loại 2 / *Class 2*
 2
 Tròn / *Round*



• Các đặc tính điện / *Electrical characteristics*

- Điện áp làm việc / *Rated voltage*
- Điện áp thử trong 5 phút / *Test voltage for 5 min*

0.6 / 1 kV
 3500 V



• Các đặc tính sử dụng / *Usage characteristics*

- Nhiệt độ làm việc lớn nhất / *Max temperature*
- Tiêu chuẩn Áp dụng / *Applied Standard*

70°C
 TCVN 5935 : 2013 / IEC 60502 : 2009



Cáp bọc cách điện XLPE

1. CÁP 1 LỖI BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE KHÔNG CÓ GIÁP BẢO VỆ

• Các đặc tính kết cấu / *Construction characteristics*

- Vật liệu dây dẫn / *Material of conductor*
- Loại / *Class*
- Số lõi / *Number of core*
- Hình dáng bên ngoài / *Shape*

Đồng / *Copper*
 Loại 2 / *Class 2*
 1
 Tròn / *Round*



• Các đặc tính điện / *Electrical characteristics*

- Điện áp làm việc / *Rated voltage*
- Điện áp thử trong 5 phút / *Test voltage for 5 min*

0.6 / 1 kV
 3500 V



• Các đặc tính sử dụng / *Usage characteristics*

- Nhiệt độ làm việc lớn nhất / *Max temperature*
- Tiêu chuẩn Áp dụng / *Applied Standard*

90°C
 TCVN 5935 : 2013 / IEC 60502 : 2009



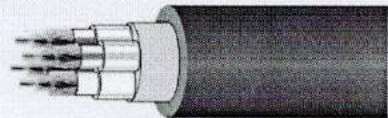
4. CÁP CHỐNG CHÁY 4 LỖI BỌC CÁCH ĐIỆN XLPE KHÔNG CÓ GIÁP BẢO VỆ

• Các đặc tính kết cấu / *Construction characteristics*

- Vật liệu dây dẫn / <i>Material of conductor</i>	Đồng / <i>Copper</i>
- Loại / <i>Class</i>	Loại 2 / <i>Class 2</i>
- Số lõi / <i>Number of core</i>	4
- Hình dáng bên ngoài / <i>Shape</i>	Tròn / <i>Round</i>

• Các đặc tính điện / *Electrical characteristics*

- Điện áp làm việc / <i>Rated voltage</i>	0.6 / 1 kV
- Điện áp thử trong 5 phút / <i>Test voltage for 5 min</i>	3500 V



• Các đặc tính sử dụng / *Usage characteristics*

- Nhiệt độ làm việc lớn nhất / <i>Max temperature</i>	90°C
- Tiêu chuẩn Áp dụng / <i>Applied Standard</i>	TCVN 5935 : 2013 / IEC 60502 : 2009



CÁP MẠNG LAN CAT 5E, CAT 6, UTP, 4PR - 25PR

• ỨNG DỤNG

Thích ứng cho các mạng truyền số liệu chuẩn quốc tế; giải tần số đến 250/350 MHz. Các ứng dụng điển hình như:

- Mạng ATM đến 155 Megabit / giây (Mbps)
- 1000 BASE – Tx Gigabit Ethernet (IEEE802.3a)
- 100 BASE – Tx Fast Ethernet
- 10 BASE – Tx Ethernet
- 16 Mbps Token Ring. v.v...

• TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Cáp Lan VINACAP phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế phổ biến:

+ Tiêu chuẩn ISO/IEC 11801 2nd Ed. 2002 do tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO và ủy ban kỹ thuật điện quốc tế (IEC) đồng ban hành.

+ ANSI/TIA/EIA 568-A (CAT 5e) & B2.1 (CAT 6) Do các tổ chức Viện tiêu chuẩn Quốc gia (ANSI); Tổ chức Công nghiệp Viễn thông (TIA) và công nghiệp Điện tử (EIA) Hoa Kỳ ban hành và được áp dụng phổ biến ở Châu Mỹ, Nhật Bản v.v...

+ Tiêu chuẩn EN 50173 (CAT 5 và 5e); EN 50173-1:2002 CAT 6 (Class E-250MHz) do cộng đồng Châu Âu ban hành và áp dụng.

• CẤU TRÚC

1. Ruột dẫn (Conductor): Dây đồng (Cu) tinh khiết cao, ủ mềm đường kính (0,50 - 0,60 mm) tương đương 22 - 24 AWG.
2. Cách điện (Insulation): HDPE đặc (Solid) hoặc dạng xoắn đặc (S/F/S) (CM, CMR).
3. Vỏ bọc (Jacket): Hợp phần PVC tiêu chuẩn hoặc loại chống cháy, kiểu FR-PVC (CM, CMR) dùng trong công nghiệp



1. CÁP ĐỒNG TRỤC KHÔNG DÂY NGUỒN



• Các thông số kỹ thuật cơ bản / Technical characteristics

Chủng loại cáp	Đường kính ruột dẫn – Cu, CCS	Đường kính lớp xốp (Foam PE)	Độ phủ lớp bện	Chiều dày vỏ bọc	Đường kính cáp gần đúng
	mm	mm	%	mm	mm
5C-FB.Cu.J-64s	0.8	4.75	60	0.8	6.8
5C-FB.CCS-64s	0.8	4.75	60	0.8	6.8
4C-FB.Cu-48s	0.8	3.6	50	0.8	5.9
4C-FB.CCS-48s	0.8	3.6	50	0.8	5.9
RG6.CCS-80s	1.02	4.75	80	0.8	6.8
RG6.CCS-48s	1.02	4.75	40	0.8	6.8

2. CÁP ĐỒNG TRỤC KÈM DÂY NGUỒN

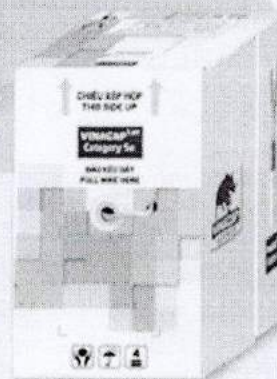
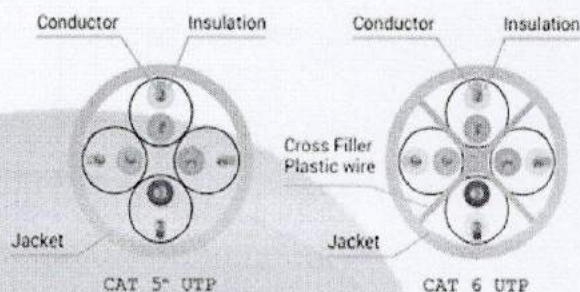


• Các thông số kỹ thuật cơ bản / Technical characteristics

Chủng loại cáp	Đường kính ruột dẫn – Cu, CCS	Đường kính lớp xốp (Foam PE)	Độ phủ lớp bện	Chiều dày vỏ bọc	Đường kính cáp gần đúng	Cấu trúc dây nguồn
	mm	mm	%	mm	mm	mm ²
RG59 Cu x 2C/Cu	0.8	3.6	80	0.8	6.0	2x0.4
RG59 CSS x 2C/Cu	0.8	3.6	80	0.8	6.0	2x0.4

• BẢNG MÀU CÁC ĐÔI DÂY

Pair no	Color Code	
	Tip	Ring
1	White - Blue	Blue
2	White - Orange	Orange
3	White - Green	Green
4	White - Brown	Brown





1. CÁP THÔNG TIN CÁCH ĐIỆN F/S CÓ NHỒI DẦU CHỐNG ẨM

• ƯU ĐIỂM

Cáp cách điện tổ hợp PE Foam-Skin (tổ hợp Polyethylene xốp đặc) không chỉ làm cáp có kết cấu chặt, có độ bền cơ lý, bền điện môi đảm bảo mà còn tạo ra cáp có đặc tính điện, truyền dẫn tốt. Lõi cáp được nhồi dầu chống ẩm cùng với màng mỏng ngăn ẩm bảo đảm cáp làm việc tin cậy trong các môi trường ẩm, nước như ở Việt Nam.



2. CÁP TÍN HIỆU / THÔNG TIN DÙNG CHO ĐƯỜNG SẮT

• ƯU ĐIỂM

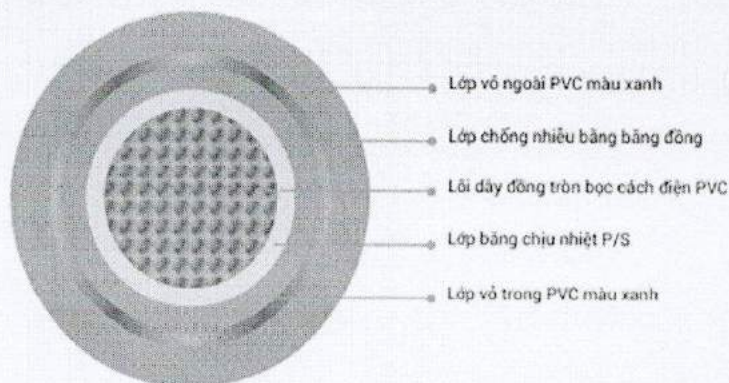
Cáp VINACAP sản xuất theo tiêu chuẩn Châu Âu, có tính dẫn điện và độ bền cơ học tốt. Các khe hở giữa các dây dẫn và giữa dây dẫn với vỏ cáp được nhồi đầy bởi một loại dầu công nghiệp, lớp dầu này có khả năng bảo vệ cáp khỏi sự xâm nhập của nước và hơi ẩm. Lớp băng thép nằm bên trong vỏ cáp có khả năng chống đỡ các lực tác động bên ngoài, đồng thời chống xuyên nhiễu rất tốt.

VinaCap có thể thiết kế và sản xuất các loại cáp tín hiệu, cáp điều khiển khác nhau tùy thuộc vào yêu cầu của khách hàng.



CÁP TRUYỀN DẪN THÔNG TIN VÀ TÍN HIỆU ĐIỀU KHIỂN SỬ DỤNG TRONG MỎ, HẦM LÒ

- KÝ HIỆU: Cu - PVC - 2PVC - S (Cu Tape) 0.8mm, 0.9mm x (2Pr + 100Pr)
- Ruột dẫn làm bằng đồng đặc một sợi được ủ mềm, đường kính danh định 0.8, 0.9mm.
- Cách điện là một lớp nhựa PVC hạn chế cháy.
- Lõi cáp được thiết kế theo kiểu xoắn đôi, ghép nhóm và được bó bảo vệ bởi một lớp băng P/S
- Băng chống nhiễu bằng băng đồng
- Vỏ bảo vệ gồm 2 lớp vỏ bằng nhựa PVC hạn chế cháy màu xanh lam (Blue).
- Tính kháng cháy: đáp ứng tiêu chuẩn IEC và TCVN 6613-1:2000

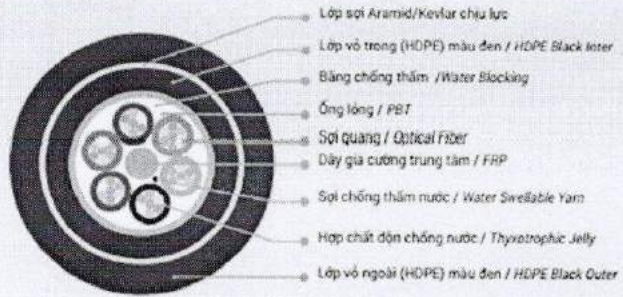




2. CÁP ADSS

- Ký hiệu: ADSS 2Fo + 144Fo, 100m+900m SPAN
- Cáp sợi quang treo phi kim loại ADSS có cấu trúc, kết cấu đáp ứng một cách tốt nhất các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn ngành cũng như các tiêu chuẩn quốc tế
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 8665:2011, IEC, ITU-T:G652

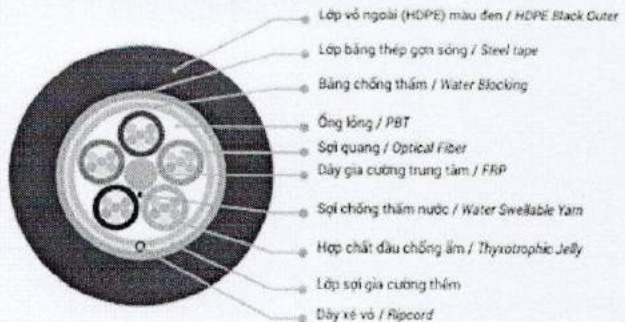
• Cấu trúc cáp



3. CÁP LUỒNG CỐNG

- Kiểu: CPKL 2Fo + 144Fo, CKL 2Fo + 144Fo,
- Cáp sợi quang luồn cống gồm cống phi kim loại (CPKL) và cống kim loại (CKL) có cấu trúc, kết cấu đáp ứng một cách tốt nhất các yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn ngành cũng như các tiêu chuẩn quốc tế
- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 8665:2011, IEC, ITU-T:G 652

• Cấu trúc Cáp luồn cống kim loại (CKL1)



7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm 2017/2016	31/03/2018
Tổng tài sản	379.432.320.768	375.246.405.497	(1,1)	384.711.991.886
Vốn chủ sở hữu	167.348.358.238	171.822.853.164	2,67	167.081.276.763
Doanh thu thuần	814.555.191.212	598.678.853.495	(26,50)	91.856.751.853
Lợi nhuận từ hoạt động	12.346.676.798	6.183.188.014	(49,92)	(4.676.574.366)

kinh doanh				
Lợi nhuận khác	(288.500)	(61.188.871)	-	(65.002.035)
Lợi nhuận trước thuế	12.346.388.298	6.121.999.143	(50,41)	(4.741.576.401)
Lợi nhuận sau thuế	12.346.388.298	4.971.661.028	(59,73)	(4.741.576.401)
Giá trị sổ sách	10.727	11.014	2,67	10.710

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 1 năm 2018 của CTCP Viễn thông Điện tử VINACAP)

Trong năm 2016, hàng loạt ông lớn trong ngành viễn thông như VNPT, FPT, EVN, CMC đồng loạt nâng cấp hạ tầng viễn thông, chạy đua triển khai mạng di động 4G góp phần giúp kết quả kinh doanh của Công ty tăng mạnh trong năm 2016.

Năm 2017, Công ty và tập đoàn VNPT chưa triển khai hết gói thầu đã ký kết từ đầu năm, cùng với đó việc cắt giảm mảng kinh doanh điện thoại di động, dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty sụt giảm trong năm 2017. Điểm sáng trong năm là Công ty bắt đầu trở lại đà tăng trưởng sau khi đã bù đắp được hết khoản lỗ lũy kế từ đợt khủng hoảng năm 2011. Công ty cũng tích cực triển khai hàng loạt các chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty như: cắt giảm chi phí lãi vay; cơ cấu lại sản phẩm dịch vụ, tập trung vào những sản phẩm thế mạnh của Công ty và phát triển những sản phẩm mới.

Đến hết 31/03/2018, do doanh thu bị sụt giảm so với cùng kỳ, cùng với đó chi phí tài chính và chi phí quản lý gia tăng khiến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị âm.

Hiện nay, Công ty đang tập trung phát triển mạng lưới phân phối sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng, tái cấu trúc tài chính nhằm tạo sự bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm tiếp theo.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty

Lịch sử phát triển của Công ty là tiếp bước quá trình phát triển thành công của Công ty liên doanh Vinadaesung – Là liên danh giữa Tập đoàn VNPT và Deasung – Korea - Nexans - Pháp.

Ngày 28/6/2007 đã đánh dấu mốc đặc biệt quan trọng trong chặn đường hồi sinh Vinadeasung và ra đời VINACAP. Thời điểm đó, sản phẩm cáp đồng đang suy thoái, ngành công nghiệp cáp đứng trước khó khăn nghiêm trọng và cuộc cách mạng về công nghệ cáp quang chính thức bùng nổ. Công ty đã mạnh dạn đầu tư dây chuyền sản xuất cáp quang để giải quyết nhu cầu thị trường và nâng cao vị thế của Công ty trong ngành sản xuất cáp.

Đến nay, sản phẩm dây cáp quang vẫn là sản phẩm kinh doanh cốt lõi, mang lại nguồn doanh thu lớn cho Công ty. Nhận thấy nhu cầu về việc nâng cấp hạ tầng viễn thông của các nhà mạng lớn, Công ty chú trọng việc sản xuất và phân phối dây cáp quang single mode, sử dụng cho các công trình về mạng điện thoại và mạng truyền hình cáp. Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất dây cáp quang, đặc biệt là cáp quang single mode không nhiều, do đó sự cạnh tranh về sản phẩm kinh doanh chủ đạo của Công ty rất thấp. Công ty đã cung cấp sản phẩm này cho những công trình lớn của các đối tác như VNPT, MobiFone, Viettel, FPT, CMC, EVN.

Ngoài ra, Công ty đang mở rộng thêm hệ thống sản xuất và phân phối sản phẩm dây cáp điện hiện đại. Sản phẩm này đang có sự cạnh tranh rất lớn trong ngành, buộc Công ty phải nỗ lực nghiên cứu và cải tiến dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước mở rộng thị phần và nâng cao vị thế như những gì Công ty đã làm được với sản phẩm cáp quang.

Với những kinh nghiệm có được trong 15 năm hình thành và phát triển, cùng những quan hệ sẵn có với các đối tác lớn sẽ là tiền đề để Công ty tiếp tục phát triển bền vững và nâng cao vị thế trong những năm tiếp theo.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Theo Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt (Theo Quyết định số 32/2012/QĐ-TTg ngày 27 tháng

7 năm 2012). Các nhà mạng viễn thông (VNPT, MobiFone, Viettel, CMC, FPT....) đầu tư mạnh hạ tầng lõi viễn thông với những nhà cung cấp thiết bị lớn Ericsson, Huawei, ZTE.... đồng thời tiếp tục đầu tư, phát triển vào các dịch vụ mũi nhọn như di động, băng rộng, CNTT, Giá trị gia tăng, khẩn trương triển khai có hiệu quả việc phủ sóng 4G trên toàn quốc với định hướng lâu dài là 5G, đặc trưng của Việt Nam để có thể đón đầu xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, tạo ra nền tảng để đưa ngành Viễn thông, CNTT của Việt Nam vươn tầm ra thế giới.

Viễn thông, hạ tầng mạng lưới viễn thông, Internet của Việt Nam được đánh giá là phát triển hiện đại, bao trùm rộng khắp, băng rộng tốc độ cao, hoạt động ổn định. Với việc phóng thành công 02 vệ tinh lên quỹ đạo trái đất, Việt Nam đã ghi tên mình vào danh sách các nước đã có chủ quyền trên quỹ đạo vệ tinh và kết cấu hạ tầng thông tin của Việt Nam đã được đảm bảo bằng tất cả các hình thức liên lạc tiên tiến hiện đại nhất thế giới. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động đạt 95% diện tích, tổng băng thông kênh kết nối quốc tế đạt 1.450Mb/s, tăng hơn 12 lần so với năm 2010.

Đồng thời, Việt Nam tiếp tục là một trong những thị trường viễn thông có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực và trên thế giới trong suốt 10 năm qua. Đến nay, tổng số thuê bao điện thoại hiện có khoảng trên 131 triệu máy (trong đó: di động chiếm 94,86%, cố định: chiếm 5,14%), cao gấp 10 lần so với năm 2005; mật độ điện thoại đạt khoảng 140 máy/100 dân; tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng đạt 6,5 thuê bao/100 dân, cao gấp gần 2 lần so với năm 2010, cao gấp 30 lần so với năm 2005.

Tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng di động đạt 36,6 thuê bao/100 dân; toàn quốc có trên 58 triệu người sử dụng Internet, tỷ lệ người sử dụng Internet đạt trên 50% dân số, cao gấp 1,7 lần so với năm 2010, hằng năm Doanh thu Viễn thông đạt khoảng 17 tỷ USD, cao gấp gần 2 lần so với năm 2010, cao gấp gần 10 lần so với năm 2005, lợi nhuận hằng năm khoảng 2,5 tỷ USD/năm, nộp ngân sách nhà nước 60.000 tỷ đồng/năm.

Công nghiệp CNTT đang trở thành ngành kinh tế có tốc độ phát triển nhanh, bền vững, doanh thu cao, có giá trị xuất khẩu lớn. Kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện hằng năm đạt hơn 32 tỷ USD, tăng gấp 9 lần so với năm 2010 và kim ngạch xuất khẩu máy tính, điện tử và linh kiện đạt 14 tỷ USD, tăng gấp 4,5 lần so với năm 2010, tốc độ tăng trưởng của ngành từ 20 - 30%/năm.

Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành cũng như trong công tác chuyên môn ở các cơ quan nhà nước tiếp tục được cải thiện, rút ngắn khoảng cách, thời gian và nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan nhà nước đối với người dân và doanh nghiệp; hạ tầng ứng dụng CNTT tiếp tục được phát triển và hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các ứng dụng CNTT. Tỷ lệ trung bình cán bộ, công chức tại các Bộ, ngành được trang bị máy tính phục vụ công việc đạt khoảng 90%; tỷ lệ máy tính kết nối Internet đạt trên 90%; tất cả các cơ quan nhà nước có mạng nội bộ phục vụ công việc. Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước được triển khai hoàn thành giai đoạn 2 đã kết nối được tới các Sở, ban hành quận, huyện.

Sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của Công nghệ thông tin thế giới đòi hỏi hạ tầng ngành Công nghệ thông tin của Việt Nam phải liên tục được nâng cấp. Điều này đảm bảo cho triển vọng phát triển bền vững và lâu dài cho các doanh nghiệp trong ngành sản xuất dây cáp nói chung và Công ty nói riêng.

9. Chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động trong Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 133 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số CBNV	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ		
Đại học, trên đại học	55	41,35%
Cao đẳng	13	9,77%
Trung học chuyên nghiệp và Trình độ khác	65	48,87%
Tổng cộng	133	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap)

Chính sách đối với người lao động

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp.

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Tại Văn phòng: 5 ngày 1 tuần, sáng từ 8h đến 12h, chiều từ 13h đến 17h. Tại Xưởng Sản xuất: do cần phải sản xuất liên tục nên chia làm 3 ca: ca 1 từ 7h đến 15h, ca 2 từ 15h đến 22h, ca 3 từ 22 đến 7h sáng. Nghỉ phép, lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.
- Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng qui định của nhà nước.
- Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

- Công ty có chính sách đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài.
- Hỗ trợ kinh phí đào tạo cho cán bộ công nhân viên trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật.
- Hướng tới tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật.

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Được chi trả căn cứ thực tế đóng góp của từng người cho hiệu quả chung của Công ty theo Quy chế cụ thể được công bố tới từng CBCNV.

Căn cứ vào doanh thu, năng lực và hiệu quả công việc của nhân viên, Công ty xem xét và áp dụng các chế độ thưởng vào cuối năm như: thưởng đối với các cá nhân hoặc phòng ban có thành tích xuất sắc...

Ngoài ra hàng năm công ty áp dụng chế độ thưởng theo định kỳ vào những dịp lễ tết: 30/4, 2/9, ngày sinh nhật của Công ty 28/6, các nhân viên được thưởng thêm 1 tháng lương, tết Dương lịch các nhân viên được thưởng thêm 1,5 tháng lương, tết Âm lịch, các nhân viên được thưởng thêm 2 tháng lương để động viên người lao động hăng say làm việc. Chế độ phụ cấp được chia thành 2 loại: phụ cấp công việc và phụ

cấp trách nhiệm.

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
Mức lương bình quân (VNĐ/người/tháng)	6.500.000 đồng	7.000.000 đồng

(Nguồn: Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap)

10. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty vừa trải qua giai đoạn khó khăn và bắt đầu bù đắp được hết các khoản lỗ lũy kế của các năm trước năm 2017, do đó hiện tại Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức nhằm bổ sung nguồn vốn tái đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty áp dụng trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Chỉ tiêu	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
Máy móc, thiết bị	05-12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

(Nguồn: Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap)

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Quỹ khen thưởng phúc lợi	84.817.225	574.775.863	477.700.363
Quỹ đầu tư phát triển	7.232.936.228	7.978.685.382	7.978.685.382
Tổng cộng	7.317.753.453	8.553.461.245	8.456.385.745

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 1 năm 2018 của CTCP Viễn thông

Điện tử VINACAP)

❖ **Tổng dư nợ vay**

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Vay và nợ ngắn hạn	122.213.699.899	124.785.322.990	140.813.248.855
2	Vay và nợ dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	122.213.699.899	124.785.322.990	140.813.248.855

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 1 năm 2018 của CTCP Viễn thông

Điện tử VINACAP)

❖ **Tình hình công nợ**

- **Các khoản phải thu:**

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
I.	Các khoản phải thu ngắn hạn	197.538.119.926	147.081.814.174	189.999.418.202
1.	Phải thu của khách hàng	178.606.307.123	135.911.003.139	144.441.421.721
2.	Trả trước cho người bán	17.690.531.593	9.940.963.508	43.731.540.377
3.	Phải thu ngắn hạn khác	1.241.281.210	1.229.847.527	1.826.456.104
II.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	197.538.119.926	147.081.814.174	189.999.418.202

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 1 năm 2018 của CTCP Viễn thông Điện tử VINACAP)

- Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
I.	Nợ ngắn hạn	212.083.962.530	203.423.552.333	217.630.715.123
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	81.217.826.249	72.510.037.576	51.790.923.911
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.566.555.662	2.059.083.958	21.587.216.259
3.	Thuế và các khoản phải nộp	798.551.638	85.114.619	173.054.820
4.	Phải trả người lao động	3.256.984.557	1.832.632.476	1.309.852.746
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.029.855.456	1.047.569.814	1.051.193.332

6.	Phải trả ngắn hạn khác	1.915.671.844	529.015.037	427.524.837
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	122.213.699.899	124.785.322.990	140.813.248.855
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	84.817.225	574.775.863	477.700.363
II.	Nợ dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	212.083.962.530	203.423.552.333	217.630.715.123

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 1 năm 2018 của CTCP Viễn thông Điện tử VINACAP)

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
I.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,66	1,72
2.	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,08	0,95
II.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1.	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,56	0,54
2.	Hệ số nợ/VCSH	Lần	1,27	1,18
III.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1.	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,19	4,01
2.	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	%	214,68	158,66
IV.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

STT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1.	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,52	0,83
2.	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,38	2,93
3.	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,25	1,32
4.	Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,03	1,52

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Viễn thông Điện tử VINACAP)

12. Tài sản

- Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
I.	Tài sản cố định hữu hình	92.848.406.209	23.442.184.177	25,25%
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.208.403.768	3.734.346.068	51,81%
2.	Máy móc, thiết bị	81.969.298.344	18.793.014.492	22,93%
3.	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.623.322.891	914.823.617	25,25%
4.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	47.381.206	-	-
II.	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
	Tổng cộng	92.848.406.209	23.442.184.177	25,25%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Viễn thông Điện tử VINACAP)

- Tình hình tài sản dở dang

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	877.263.749	-
Tổng cộng		-	877.263.749	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC Quý 1 năm 2018 của CTCP Viễn thông Điện tử VINACAP)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019 (*)	
	Giá trị	% tăng/giảm so với năm 2017	Giá trị	%tăng/giảm so với năm 2018
Vốn điều lệ (đồng)	156.000.000.000	-	-	-
Doanh thu thuần (đồng)	716.800.000.000	19,73%	-	-
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	8.389.000.000	68,74%	-	-
Tỷ lệ LNST/DTT (%)	1,17%	-	-	-
Tỷ lệ LNST/VĐL (%)	5,38%	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	4%	-	-	-

Nguồn: Hội đồng quản trị Công ty đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến năm 2018 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua (ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 dự kiến được tổ chức vào ngày 07/06/2018)

(*) Năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty chưa có kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tiếp theo vẫn sẽ tập trung mạnh vào lĩnh vực sản xuất cáp quang. Đây là một trong những lĩnh vực có nhu cầu lớn trong hoạt động nâng cấp hệ thống hạ tầng viễn thông của các nhà mạng và được đánh giá là lĩnh vực có sự phát triển bền vững trong dài hạn. Đối với hoạt động kinh doanh cốt lõi này, Công ty tiếp tục nghiên cứu, phát triển cáp quang để bắt kịp xu hướng hiện nay của thị trường.

Đầu năm 2018, Công ty đã đấu thầu được hàng loạt các gói thầu lớn của các nhà mạng VNPT, EVN, cùng với đó Công ty đã có thêm đối tác cung cấp nguyên vật liệu đầu vào với giá cạnh tranh hơn, giúp Công ty cắt giảm chi phí sản xuất. Hiện tại, Ban Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục đàm phán với các đối tác để ký kết các hợp đồng mới nhằm đạt được kế hoạch chi tiêu Tập đoàn và Hội đồng quản trị Công ty đề ra.

Cùng với đó, Công ty cũng đồng loạt triển khai những giải pháp khác để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

Giải pháp thị trường và bán hàng:

- Phát triển thị trường thông qua mạng lưới đại lý, nghiên cứu chính sách để đẩy mạnh mở rộng thị trường.
- Tổ chức, hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng.
- Áp dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp (BFO) để phục vụ công tác quản lý công nợ và hàng tồn kho.

Giải pháp về sản xuất:

- Cải tiến quy trình sản xuất, đầu tư thiết bị hiện đại để đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng tốt nhất, cung ứng và bàn giao các đơn hàng đúng tiến độ.
- Cập nhật chi tiết tồn kho về nguyên vật liệu để hoạt động sản xuất diễn ra thông suốt.

Giải pháp về tài chính và kiểm soát chi phí:

- Xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- Kiểm soát nợ phải thu ngắn hạn để có kế hoạch phù hợp thu hồi công nợ đúng như cam kết trong hợp đồng.
- Duy trì quan hệ sẵn có với các ngân hàng, thỏa thuận, thương lượng để có mức lãi suất tốt nhất.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất để định kỳ hàng tháng có báo cáo theo dõi, đánh giá để có giải pháp kịp thời.
- Sử dụng đòn bẩy tài chính một cách hiệu quả nhất để góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty.

Giải pháp về công tác nhân sự:

14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của công ty đăng ký giao dịch:

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - + Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành;
 - + Đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh;
 - + Đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư và Công ty.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - + Tăng trưởng bền vững, đạt hiệu quả cao.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:
 - + Tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp cho toàn thể cán bộ công nhân viên
 - + Có trách nhiệm với xã hội

Trong những năm trở lại đây, công nghệ phát triển khiến cho nhu cầu về cáp quang bùng nổ. Do đó, Công ty đang cân nhắc thời điểm loại bỏ dây chuyền sản xuất cáp đồng qua hình thức thanh lý máy móc, nhằm bổ sung nguồn vốn nâng cao dây chuyền sản xuất cáp quang.

Với thị trường điện thoại do nguồn lợi nhuận đem lại chưa cao nên Công ty cũng đang có những kế hoạch để thu hẹp dần thị trường này.

Ngành sản xuất dây cáp điện là ngành kinh doanh mũi nhọn của Công ty, nên giá nguyên liệu đầu vào đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất cũng như lợi nhuận để lại, nhận thức được điều đó, Công ty luôn nỗ lực tìm kiếm thêm các đối tác cung cấp nguyên vật liệu nhằm kiểm soát về giá, hạn chế những biến động tiêu cực từ thị trường nguyên vật liệu.

Ngoài ra, Công ty cũng định hướng tìm kiếm cơ hội phát triển sản phẩm mới cho chiến lược lâu dài đó là “Sản phẩm công tơ điện dùng cho các hộ gia đình”.

16. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan đến công ty: Không có

II QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

❖ Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT	TVHĐQT không điều hành
2	Ngô Hồng Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	TVHĐQT không điều hành
3	Trần Xuân Thái	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	TVHĐQT điều hành
4	Vũ Hồng Hạnh	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	TVHĐQT điều hành
5	Đình Quang Hữu	Ủy viên HĐQT	TVHĐQT điều hành

❖ Sơ yếu lý lịch

Chủ tịch HĐQT

- Họ và Tên: **Lê Thanh Sơn**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/01/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 010159421 do CA. TP Hà Nội cấp ngày 24/9/2002
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quốc Oai, Hà Nội (Hà Tây cũ)

- Địa chỉ thường trú: Số 34 Ngách 259/5, Phố Vọng, Đồng Tâm, HBT, TP.Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình Công tác:

Thời gian	Đơn vị Công tác	Chức vụ
○ 1984 – 1989	Nhà máy thiết bị bưu điện	Nhân viên Phòng kế toán thống kê
○ 1990 – 1994	Nhà máy thiết bị bưu điện	Tổ trưởng Tổ kế toán Phòng kế toán thống kê
○ 1995 – 1997	Nhà máy thiết bị bưu điện	Phó Phòng đầu tư phát triển
○ 01/1998 – 12/1998	Nhà máy thiết bị bưu điện	Trưởng Phòng đầu tư phát triển
○ 01/1999 – 06/2005	Nhà máy thiết bị bưu điện	Phó Giám đốc
○ 07/2005 – 08/2009	Chi nhánh CTCP Thiết bị bưu điện Nhà máy 1	Ủy viên HĐQT, Giám đốc, Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty
○ 09/2009 – 04/2015	CTCP Thiết bị bưu điện	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty
○ 05/2015 đến nay	CTCP Thiết bị bưu điện	Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty
○ 17/05/2017 đến nay	CTCP Viễn thông điện tử VINACAP	Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức:	Chủ tịch HĐQT	
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:	Phó Tổng Giám đốc CTCP Thiết bị bưu điện/Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty	
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền:	3.120.000 cổ phần tương ứng 20% tổng số cổ phần của Công ty	
○ Đại diện Tập đoàn bưu chính viễn	3.120.000 cổ phần tương ứng 20%	

- Quốc tế
- 2006 – 2007 Công ty Liên doanh Cấp Vinadeasung – VNPT Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
 - 2007 – 2010 Công ty cổ phần Cấp và Vật liệu mạng (VINACAP) Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
 - 2010 – 17/05/2017 Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
 - 17/05/2017 đến nay Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Phó Chủ tịch HĐQT
 - Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có
 - Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 108.160 cổ phần tương ứng 0,69% tổng số cổ phần của Công ty
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu: 108.160 cổ phần tương ứng 0,69% tổng số cổ phần của Công ty
 - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Vợ Nguyễn Thanh Hà nắm giữ 23.296 cổ phần tương ứng 0,15% tổng số cổ phần của Công ty
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 - Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không có

Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc

- Họ và Tên: **Vũ Hồng Hạnh**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/03/1974
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 011870709 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 03/04/2010
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Vũ Văn- Vũ Thu- Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Tổ 7- Phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình Công tác:

Thời gian	Đơn vị Công tác	Chức vụ
o 1993 – 11/2007	Công ty Liên doanh Cáp VINADAESUNG	Kế toán viên
o 11/2007 – 04/2008	Công ty CP Cáp và Vật liệu mạng VINACAP	Trưởng bộ phận kho
o 04/2008 – 11/2010	Công ty CP Cáp và Vật liệu mạng VINACAP	Trưởng phòng Kế toán kiêm Kế toán trưởng
o 11/2010 – 05/2012	Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP	Trưởng phòng Kế toán kiêm Kế toán trưởng
o 05/2012 – 05/2017	Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng
o 05/2017 đến nay	Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 78.520 cổ phần tương ứng 0,50% tổng số cổ phần của Công ty
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - o Cá nhân sở hữu: 78.520 cổ phần tương ứng 0,50% tổng số cổ phần của Công ty
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan với TCPH: Không có

Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và Tên: **Trần Xuân Thái**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30/08/1970
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 012292321 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 09/11/1999
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vân Canh – Hoài Đức - Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Nhà A10/66 ngõ Thông Phong, Q.Đống Đa – Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình Công tác:

Thời gian	Đơn vị Công tác	Chức vụ
o 1994 – 1999	Cty TNHH EXTIMA – LB Nga	Phó Giám đốc
o 2000 – 2002	Viện kinh tế Bưu điện	Chuyên viên
o 2003 – 2007	Tập đoàn BCVT Việt Nam	Tổ trưởng Tổ tổng hợp Ban Kế hoạch
o 2007 đến 11/2010	Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu mạng VINACAP	Phó Tổng Giám đốc
o 11/2010 đến nay	Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức:		Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:		Không có
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền:		1.892.800 cổ phần tương ứng 12,13% tổng số cổ phần của Công ty
o Đại diện Tập đoàn Bưu chính Viễn		1.872.000 cổ phần tương ứng 12%

- thông Việt Nam sở hữu: tổng số cổ phần của Công ty
- o Cá nhân sở hữu: 20.800 cổ phần tương ứng 0,13%
tổng số cổ phần của Công ty
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không có

Ủy viên HĐQT

- Họ và Tên: **Đình Quang Hữu**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/09/1973
- Nơi sinh: Lạng Sơn
- CMND: 011766029 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 29/9/2000
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gia Vân – Gia Viễn – Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: Nhà 27A Ngõ 5A Đường K1 - Tổ 3 – Cầu Diễn – Từ Liêm – HN
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình Công tác:

Thời gian	Đơn vị Công tác	Chức vụ
o 1994 – 05/1996	Công ty Bourne Griffiths (VN) Ltd.	Kế toán viên
o 06/1996 – 09/1999	Nhà thầu Taisei (Nhật bản)	Kế toán trưởng
o 09/1999 – 05/2005	Tập đoàn BCVT Việt Nam	Chuyên viên Ban KTTKTC

- 06/2005 – 10/2010 Tập đoàn BCVT Việt Nam Thành viên Ban kiểm soát
 - 10/2010 – 12/2010 Công ty Tài chính Bưu Điện Phó Tổng Giám đốc
 - 12/2010 – 2012 Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP Phó Tổng Giám đốc
 - 2012 đến nay Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP Ủy viên HĐQT
- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Ủy viên HĐQT
 - Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có
 - Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 28.600 cổ phần tương ứng 0,18% tổng số cổ phần của Công ty
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu: 28.600 cổ phần tương ứng 0,18% tổng số cổ phần của Công ty
 - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
 - Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không có

2. Ban kiểm soát

❖ Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Quang Trình	Trưởng ban
2	Vũ Hoàng Công	Thành viên
3	Phạm Thùy Dương	Thành viên

❖ Sơ yếu lý lịch

Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và Tên: **Nguyễn Quang Trình**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/11/1983
- Nơi sinh: Hải Dương
- CMND: 142088048 do Công an Tỉnh Hải Dương cấp ngày 06/09/2012
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Kim Đính - Kim Thành - Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ 1414 CT2B Tân Tây Đô- Tân Lập - Đan Phượng - Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình Công tác:

Thời gian	Đơn vị Công tác	Chức vụ
○ 10/2006 – 06/2010	Công ty Cổ phần Máy tính CMS - Tập Đoàn CMC	Kế toán quản trị
○ 06/2010 – 11/2010	Công ty cổ phần Cáp và Vật liệu mạng VINACAP	Kế toán tổng hợp
○ 11/2010 – 04/2011	Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP	Kế toán tổng hợp
○ 05/2011 – 06/2012	Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP	Phó phòng Tài chính Kế toán
○ 07/2012 – 05/2015	Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP	Quyền trưởng phòng Tài chính Kế toán
○ 06/2015 – 05/2017	Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP	Trưởng phòng Tài chính kế toán
○ 05/2017 đến nay	Công ty CP Viễn thông	Trưởng ban Kiểm soát

Điện tử VINACAP

- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Trưởng ban Kiểm soát
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 0 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - o Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không có

Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và Tên: **Vũ Hoàng Công**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/12/1984
- Nơi sinh: Hữu Lũng – Lạng Sơn
- CMND: 013129688
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghĩa Đồng – Nghĩa Hưng – Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 11/88/177 Định Công – Hoàng Mai – Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12

- 07/2017 đến nay Công ty cổ phần Viễn Thông Điện tử VINACAP Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban KTTC – Tập đoàn BCVT Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không có

Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và Tên: **Phạm Thùy Dương**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/08/1990
- Nơi sinh: Hải Dương
- CMND: 142469698 do Công An tỉnh Hải Dương cấp ngày 17/02/2006
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Hoàng Tiên - Thị xã Chí Linh - Tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 77, Phường Phú Đô - Quận Nam Từ Liêm - TP.Hà Nội
- Số ĐT liên lạc: 01696940577
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Quá trình Công tác:

Thời gian	Đơn vị Công tác	Chức vụ
○ 03/2013 – 03/2015	Công ty cổ phần kinh doanh Than và xây dựng Hà Nội	Kế toán tổng hợp
○ 04/2015 đến nay	Công ty cổ phần thương mại Phương Trung	Kế toán trưởng
○ 17/05/2017 đến nay	Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP	Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức:		Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác:		Kế toán trưởng – CTCP Thương mại Phương Trung
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền:		0 cổ phần
○ Đại diện sở hữu:		0 cổ phần
○ Cá nhân sở hữu:		0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty:		Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật:		Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:		Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty:		Không có
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành:		Không có

3. Ban Tổng Giám đốc

❖ Danh sách Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Hồng Hạnh	Tổng Giám đốc
2	Trần Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc
3	Ngô Hữu Tâm	Phó Tổng Giám đốc
4	Phạm Văn Ninh	Phó Tổng Giám đốc

❖ Sơ yếu lý lịch

Tổng Giám đốcBà: **Vũ Hồng Hạnh**

Đã trình bày tại phần Hội đồng quản trị

Phó Tổng Giám đốc:Ông: **Trần Xuân Thái**

Đã trình bày tại phần Hội đồng quản trị

Phó Tổng Giám đốc:

- Họ và Tên: **Ngô Hữu Tâm**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 24/09/1981
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- CMND: 172062062 do Công An Tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 17/05/2007
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: SN 255 tổ 8 đường K3 – Cầu Diễn – Từ Liêm – Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình Công tác:

Thời gian	Đơn vị Công tác	Chức vụ
○ 2003 – 2008	Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	Chuyên viên tín dụng
○ 2008 – 11/2010	Công ty cổ phần Cấp và Vật liệu mạng VINACAP	Phó Tổng Giám đốc
○ 11/2010 đến nay	Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 80.080 cổ phần tương ứng 0,51% tổng số cổ phần của Công ty
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - o Cá nhân sở hữu: 80.080 cổ phần tương ứng 0,51% tổng số cổ phần của Công ty
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Vợ Hoàng Thị Thùy sở hữu 23.920 cổ phần tương ứng 0,15% tổng số cổ phần của Công ty
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không có

Phó Tổng Giám đốc:

- Họ và Tên: **Phạm Văn Ninh**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/08/1975
- Nơi sinh: Nam Định
- CMND: 013016634 do Công an TP.Hà Nội cấp ngày 02/11/2007
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghĩa Thắng – Nghĩa Hưng – Nam Định
- Địa chỉ thường trú: P1004-CT3B-X2 Linh Đàm, Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Giao thông vận tải
- Quá trình Công tác:

Thời gian	Đơn vị Công tác	Chức vụ
o 1997 – 2007	Công ty liên doanh cấp	Chuyên viên
	VINADAESUNG	

- 2007 – 2009 Công ty CP Cáp và Vật liệu mạng VINACAP Trưởng phòng Tổ chức Tổng hợp
- 2009 – 11/2010 Công ty CP Cáp và Vật liệu mạng VINACAP Phó Tổng Giám đốc
- 11/2010 đến nay Công ty CP Viễn thông Điện tử VINACAP Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 10.400 cổ phần tương ứng 0,06% tổng số cổ phần của Công ty
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu: 10.400 cổ phần tương ứng 0,06% tổng số cổ phần của Công ty
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không có

4. Kế toán trưởng

- Họ và Tên: **Nguyễn Thị Thu Thanh**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/04/1975
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 011821497 do Công An Hà Nội cấp ngày 29/6/2011
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3 - Phường Trung Văn - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình Công tác:

Thời gian	Đơn vị Công tác	Chức vụ
o 04/1997 – 12/2009	Trường TH Kinh tế du lịch Hoa Sữa	Kế toán
o 01/2010 – 04/2011	Công ty TNHH Du lịch HIT Đông Dương	Kế toán trưởng
o 05/2011 – 10/2012	Công ty CP Viễn thông Điện tử Vinacap	Kế toán
o 11/2012 – 02/2017	Công ty CP Đầu tư và dịch vụ BĐS Đinh Cao Mới	Kế toán trưởng
o 03/2017 – 04/2017	Công ty CP Viễn thông Điện tử Vinacap	Kế toán
o 05/2017 đến nay	Công ty CP Viễn thông Điện tử Vinacap	Kế toán trưởng

- Chức vụ Công tác hiện nay tại tổ chức: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện tại tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ và được ủy quyền: 0 cổ phần
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - o Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành: Không có

5. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Hội đồng quản trị theo dõi và giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc, đảm bảo Công ty hoạt động tuân thủ đúng pháp luật và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Cách thức thực hiện hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

- Thông qua trao đổi, thảo luận giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc;
- Thông qua báo cáo của Tổng Giám đốc theo định kỳ hoặc đột xuất về kết quả và tiến độ thực hiện công việc, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp xử lý;
- Phối hợp với Ban kiểm soát trong việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc.

Tuân thủ quy định hiện hành về quản trị công ty. Thực hiện nghiêm Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua sửa đổi lần thứ 03 ngày 20 tháng 05 năm 2016 theo Luật Doanh nghiệp 2014.

Hiện tại, Công ty đang soạn dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Công ty cam kết sẽ sớm hoàn thiện và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trong thời gian sớm nhất.

III PHỤ LỤC

- Phụ lục: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017.

Hà Nội, ngày 21 tháng 05 năm 2018

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ THANH SƠN

TỔNG GIÁM ĐỐC

A blue ink signature of Vũ Hồng Hạnh.

VŨ HỒNG HẠNH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

A blue ink signature of Nguyễn Quang Trình.

NGUYỄN QUANG TRÌNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

A blue ink signature of Nguyễn Thị Thu Thanh.

NGUYỄN THỊ THU THANH

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUỐC HÙNG**

